TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 06-7-2023
V/v " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lương Hùng Dũng

2/ Bà Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1981(có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Anh Liên Văn B, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Bà Trần Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa anh Trần Thanh T với bà Trần Thị C, anh Liên Văn B, do đó anh Trần Thanh T có cho bà Trần Thị C và anh Liên Văn B vay tiền nhiều lần (bà C và anh B là mẹ con ruột). Cụ thể:

Vào ngày 08/11/2021 anh Trần Thanh T có cho anh Liên Văn B vay số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 24/11/2021 đến ngày 08/12/2021, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 20%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn mua bán, việc vay tiền được lập thành văn bản theo hợp đồng vay tài sản ngày 08/11/2021.

Vào ngày 24/3/2021 anh Trần Thanh T có cho bà Trần Thị C vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 24/3/2021 đến ngày 24/4/2021, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 20%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn mua bán, việc vay tiền được lập thành văn bản theo hợp đồng vay tài sản ngày 24/3/2021.

Do thời gian anh Liên Văn B, bà Trần Thị C thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh Trần Thanh T đã hết từ lâu nhưng anh Liên Văn B, bà Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần anh T yêu cầu anh B, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C, anh B cứ hẹn nhưng không trả nợ cho anh T, bản thân anh Liên Văn B còn có thái độ thách thức không chịu trả nợ cho anh T. Nay anh Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Trần Thị C, phải trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định từ ngày 24/3/2021 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất quá hạn là 2,5%/tháng; Yêu cầu anh Liên Văn Ba p trả số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định từ ngày 08/11/2021 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất quá hạn là 2,5%/tháng.

Bị đơn bà Trần Thị C: Được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hợp công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Bị đơn anh Liên Văn B: Được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hợp công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Liên Văn B có thái độ không hợp tác, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền đã vay và phải chịu lãi phát sinh quá hạn quy định của pháp luật, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật được xác định: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét bị đơn bà Trần Thị C, anh Liên Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Xét, vào các ngày 24/3/2021; ngày 08/11/2021 nguyên đơn và các bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập thành văn bản có đầy đủ thông tin của các đương sự, có ký xác nhận của các bị đơn về việc vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng được Tòa án triệu tập đến Tòa để xác định khoản vay giữa các bên, đồng thời cũng được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có sự hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, hành vi của bị đơn là không chấp hành pháp luật. Xét, sự vắng mặt của

các bị đơn là cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố dụng dân sự Tòa án công nhận các bên có xác lập giao dịch vay tài sản với nhau là đúng sự thật.

[3] Xét, theo hợp đồng vay tài sản nguyên đơn đồng ý cho bị đơn anh Liên Văn B vay số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 08/11/2021 đến ngày 08/12/2021; bà Trần Thị C vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 24/3/2021 đến ngày 24/4/2021. Các bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng đến hạn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm các giao kết trong hợp đồng. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận lãi suất là 20%/năm, do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng N quy định là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuy nhiên, về thời gian tính lãi suất quá hạn được xác định sau thời hạn bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đến ngày xét xử sơ thẩm. Do vậy, bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn theo hợp đồng 20%/năm kể từ ngày vay đến ngày kết thúc nghĩa vụ trả nợ trong thời gian thỏa thuận (01 tháng) và lãi suất quá hạn được tính kể từ ngày sau khi kết thúc nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể thời gian và lãi suất được tính đối với từng bị đơn như sau:

[5] Đối với anh Liên Văn B thời gian tính lãi trong hạn là từ ngày 08/11/2021 đến ngày 08/12/2021 (01 tháng). Thời gian tính lãi suất quá hạn tính từ ngày 09/12/2021 đến ngày 06/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 01 năm 6 tháng 27 ngày, được làm tròn là 19 tháng.

[5.1] Lãi suất trong hạn được tính: Vốn gốc 210.000.000 đồng x 01 tháng x 1.66%/tháng = 3.486.000 đồng.

[5.2] Lãi quá hạn được tính: Vốn gốc 210.000.000 đồng x 19 tháng x 2,5%/tháng = 99.750.000 đồng.

[5.3] Tổng gốc, lãi: Gốc 210.000.000 đồng + lãi trong hạn 3.486.000 đồng + lãi quá hạn 99.750.000 đồng = 313.236.000 đồng.

[6] Đối với bà Trần Thị C thời gian tính lãi trong hạn là từ ngày 24/3/2021 đến ngày 24/4/2021 (01 tháng). Thời gian tính lãi suất quá hạn tính từ ngày 25/4/2021 đến ngày 06/7/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 năm 02 tháng 11 ngày, được làm tròn là 26 tháng.

[6.1] Lãi suất trong hạn được tính: Vốn gốc 70.000.000 đồng x 01 tháng x 1.66%/tháng = 1.162.000 đồng.

[6.2] Lãi quá hạn được tính: Vốn gốc 70.000.000 đồng x 26 tháng x 2,5%/tháng = 45.500.000 đồng.

[6.3] Tổng gốc, lãi: Gốc 70.000.000 đồng + lãi trong hạn 1.162.000 đồng + lãi quá hạn 45.500.000 đồng = 116.662.000 đồng.

[7] Từ các căn cứ trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với các bị đơn. Buộc anh Liên Văn Ba p có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh T tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản bao gồm gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 313.236.000 đồng. Buộc bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh T tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản bao gồm gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 116.662.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền mà các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015*;*

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với các bị đơn.

2. Buộc anh Liên Văn Ba p có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh T tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản, bao gồm vốn gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 313.236.000 đồng (ba trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

3. Buộc bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh T tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản, bao gồm vốn gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 116.662.000 đồng (một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

4. Lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa chậm thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Liên Văn B phải nộp số tiền 15.661.800 đồng. Bà Trần Thị C phải nộp số tiền 5.833.000 đồng. Anh Trần Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0009854

ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ và số tiền 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0009853 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6. Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND H Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa